

Hôn nhân của người Thái: từ nhận thức đến hành vi ứng xử

Lê Hải Đăng*

Tóm tắt: Ở Việt Nam, tộc người Thái có phong tục, tập quán phong phú và đa dạng. Hôn nhân của người Thái trong xã hội truyền thống chứa đựng nhiều giá trị văn hóa; gồm nhiều nguyên tắc, nghi thức và nghi lễ độc đáo đánh dấu mốc lớn trong chu kỳ đời người. Các nghi lễ cưới xin hàm chứa nhiều giá trị về đạo đức, tâm lý, tình cảm, hành vi ứng xử xã hội; là dịp để các thành viên trong cộng đồng thắt chặt mối quan hệ họ hàng, láng giềng. Điều đó được minh chứng qua những tục lệ tốt đẹp, mang tính nhân bản.

Từ khóa: Người Thái; hôn nhân; nhận thức; ứng xử.

1. Mở đầu

Người Thái ở Việt Nam là một trong những tộc người thiểu số có truyền thống văn hóa độc đáo, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Tây Bắc và miền tây tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Người Thái tập trung đông nhất ở ba tỉnh Sơn La, Thanh Hóa và Nghệ An (70,5%) [4]. Trong quá trình phát triển lịch sử, người Thái ở nhiều nơi trên đất nước ta đã hình thành đời sống văn hóa phong phú, tạo ra những sự khác biệt ở các nhóm địa phương. Bài viết này làm rõ một số quan niệm, nhận thức và hành vi ứng xử của người Thái về các vấn đề liên quan đến đời sống hôn nhân.

2. Nhận thức của người Thái về hôn nhân

Cũng như các tộc người khác, người Thái quan niệm hôn nhân là quy luật của đời sống xã hội để tái sản xuất sức lao động và nối dõi dòng giống. Ngoài ra, kết hôn còn để sinh con - điểm tựa cho bố mẹ khi về già, và đặc biệt để tăng thêm thế lực cho dòng họ. Bởi quan niệm truyền thống như vậy nên gia đình của họ thường có

nhiều con. Hôn nhân ở người Thái dựa trên tình yêu của đôi trai gái, đặc biệt dựa trên sự đồng thuận giữa hai gia đình. Điều này còn vượt lên trên cả sự đồng thuận của đôi nam nữ, bởi đó không chỉ là việc riêng của đôi trẻ mà còn liên quan mật thiết đến cả gia đình, dòng họ, đặc biệt đến chuyện “nối dõi tông đường”, thờ cúng tổ tiên. Như vậy, hôn nhân của người Thái dựa trên tình yêu của đôi lứa, nhưng có sự đồng ý của bố mẹ hai bên gia đình và được đôi trẻ đề cao.

Chế độ hôn nhân của người Thái là một vợ một chồng, tuân thủ quy định của luật tục. Người dân cho biết nếu ai vi phạm sẽ bị phạt vạ, không có trường hợp ngoại lệ, bất kể đó là con cái hay người thân của chủ mừng (*Chẩu mừng*), chủ đất (*Chẩu đin*).

(*) Tiến sĩ, Viện Thông tin Khoa học xã hội. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0912151915. Email: lehaidang74@gmail.com. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số: IV2.2-2013.14

Hôn nhân không chỉ là “chất xúc tác”, gắn kết hai con người, hai gia đình mà còn có vai trò liên kết các dòng họ, tạo nên một liên minh, thế lực trong cộng đồng bản mường. Rất hiếm thấy trường hợp một người đàn ông mà có nhiều vợ. Tuy nhiên, đôi khi cũng có người lấy vợ lẽ; đó là trường hợp hi hữu, khi mà người vợ cả không thể sinh con.

Hôn nhân cần phải thể hiện sự trọng thị giữa nhà trai và nhà gái; vì thế mới xuất hiện vai trò của vợ chồng ông bà mối (*xoọc lăm*) - người am hiểu phong tục tập quán, biết làm mát lòng, mát mặt cả hai họ bằng tài ăn nói và cũng là người điều hành các nghi lễ. Cùng với *xoọc lăm*, người Thái còn đặc biệt đề cao quyền của ông cậu (*avunculat*) trong các quyết định dẫn tới hôn nhân và chỉ đạo, điều hành hôn lễ.

Khi chọn vợ, chọn chồng, người Thái không chỉ xem xét điều kiện kinh tế của gia đình sẽ kết thông gia mà còn quan tâm đến phong cách sống và đạo đức của họ. Thông thường, khi chọn vợ, người đàn ông để ý xem hoàn cảnh kinh tế của gia đình nhà vợ thế nào, anh em họ hàng ra sao. Hơn tất cả, họ đặc biệt lưu tâm đến sức khỏe, tính siêng năng, cần cù, khéo léo, hiền hậu và sự chung thủy của người mà mình sẽ lấy làm vợ. Khi gả con gái, gia đình bên vợ cũng muốn kén những chàng rể khỏe mạnh, tháo vát trong việc ruộng nương. Sức khỏe là yếu tố hàng đầu trong những tiêu chí chọn vợ, chọn chồng của đồng bào nơi đây. Hơn nữa, ở người Thái, hoạt động kinh tế chủ yếu mang tính tự cấp tự túc, kinh tế thị trường tuy cũng tác động ít nhiều nhưng không đáng kể, bởi vậy người vợ có vai trò rất quan trọng trong việc nội trợ cũng như

sản xuất ra của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ăn, mặc trong gia đình.

Hình thức của phụ nữ, tuy không phải là tiêu chí hàng đầu, song lại là yếu tố mà các chàng trai luôn để ý. Họ cho rằng sức khỏe và sắc đẹp là do thiên phú, nhưng phẩm chất cần cù, siêng năng, tháo vát cũng như sự ứng xử khéo léo là do truyền thống và giáo dục gia đình. Hơn nữa, những phẩm chất đó còn được rèn luyện, thử thách trong cuộc sống hằng ngày. Đôi khi các bậc cha mẹ có thể châm chước, bỏ qua những điểm chưa được để quyết định việc hôn nhân cho con cái. Những tiêu chí trên thể hiện quan niệm của người Thái về những phẩm chất lý tưởng của người làm vợ, làm chồng và làm con trong gia đình. Có lẽ, đó cũng là ước mơ của hầu hết các tộc người, bởi nó hội tụ đủ các yếu tố sức khỏe, đạo đức và công việc.

Trong xã hội truyền thống, người Thái đã hình thành bộ luật tục gồm nhiều điều quy định rất cụ thể và chặt chẽ liên quan đến mọi mặt đời sống, trong đó có những điều xử phạt nặng đối với các trường hợp chữa hoang, ngoại tình, ly dị, loạn luân... Ví dụ, bị bắt quả tang ngoại tình, phạt cả nam lẫn nữ hai nén bạc trắng cùng với một con lợn để tẩy uế cho bản. Gái chữa hoang, phạt 15 lạng bạc; đàn bà góa có chữa với trai tân hay gái tân có chữa với đàn ông góa, phạt hai nén bạc [1, tr.28].

Trong hôn nhân của người Thái, những tàn dư mẫu hệ còn sót lại được biểu hiện ở vai trò của ông cậu, hay còn gọi là quyền ông cậu. Ở các lễ đám hỏi, nhất thiết phải có người này và ngày cưới phải có mâm cơm biếu riêng. Trong hôn nhân truyền thống, bố mẹ đẻ của cô dâu chỉ được xem là

chầu côn - nghĩa là chủ người, còn *chầu văn* - nghĩa là chủ hồn lại là ông cậu, bởi vì khi cô dâu mới lọt lòng mẹ thì chính ông cậu là người đặt tên, làm vía cho cháu gái. Số tiền *cá hua* như đã mô tả ở trên cũng do ông cậu quyết định. Tuy nhiên, do chế độ phụ quyền ở người Thái đã được củng cố, nên ngày nay, vai trò của ông cậu ít nhiều mờ nhạt dần trong hôn nhân.

3. Ứng xử của người Thái trong hôn nhân

Ở cộng đồng người Thái, nhận thức về hôn nhân là một quá trình hình thành, sàng lọc và đúc kết từ những biểu hiện cụ thể của đời sống hàng ngày. Gia đình là tế bào của xã hội, hôn nhân là cơ sở tạo nên một gia đình. Một xã hội tồn tại và phát triển bền vững một phần dựa trên chế độ hôn nhân được xây dựng một cách vững chắc. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, mỗi tộc người đều trải nghiệm và đúc kết thành nguyên tắc hôn nhân phù hợp với văn hóa và đạo đức của tộc người đó. Tuy nhiên, cuộc sống thì muôn hình vạn trạng, luôn biến đổi. Đặc biệt, những vấn đề liên quan đến hôn nhân diễn ra trên thực tiễn thì vô cùng sinh động. Điều đó buộc cộng đồng người Thái xây dựng nên quy ước ứng xử vừa nghiêm khắc, chặt chẽ để duy trì sự ổn định và tính bền vững văn hóa cộng đồng nhưng cũng phải có sự mềm dẻo, nhân văn đối với những trường hợp khác biệt để gia tăng tính liên kết gia đình, dòng họ, cố kết cộng đồng. Những ứng xử đó được người Thái gọi là luật tục, gồm các nguyên tắc mà mỗi thành viên cộng đồng đều có ý thức gìn giữ và tuân theo.

3.1. Ngoại hôn dòng họ

Đối với người Thái, nguyên tắc cơ bản trong hôn nhân là ngoại hôn dòng họ (*au*

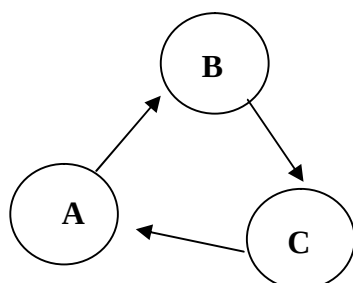
côn noóc họ). Đây là nguyên tắc đề cao tính huyết thống trong hôn nhân, là nguyên tắc phổ biến của nhân loại, được hình thành từ lâu đời và ở người Thái, nó được quy định trong luật tục; tuân thủ nguyên tắc đó là điều bắt buộc đối với mỗi thành viên của cộng đồng. Ngoại hôn dòng họ có mục đích là duy trì sự khỏe mạnh của giống nòi - mấu chốt của sự phát triển và trường tồn về khía cạnh sinh học của một tộc người. Khoa học ngày nay đã chứng minh rằng, ở những trường hợp hôn nhân cận huyết, tỉ lệ trẻ bị dị tật bẩm sinh về cơ thể cũng như tinh thần là rất cao. Chính vì thế, cho đến nay, nguyên tắc này vẫn được người Thái coi trọng và tuân thủ một cách nghiêm ngặt.

3.2. Hôn nhân thuận chiều

Đây là nguyên tắc cơ bản thứ hai trong hôn nhân của người Thái. Trường hợp lấy ngược lại bị coi là vi phạm luật tục; và sự vi phạm đó được gọi là *táo hua mu* - quay đầu lộn. Nguyên tắc này được diễn đạt như sau: nếu con trai của dòng họ A lấy con gái của dòng họ B thì con trai của dòng họ B không được lấy con gái của dòng họ A mà chỉ được lấy con gái của dòng họ C. Cũng như thế, con trai của dòng họ C không được phép lấy con gái của dòng họ B nữa mà chỉ được lấy vợ là người ở dòng họ A. Đây chính là cơ sở để hình thành ba mối quan hệ họ hàng cơ bản: *ai noọng* - *lúng ta* - *nhính xao*. Mối quan hệ này được diễn đạt như sau:

Nếu con trai của nhóm *ai noọng* A lấy con gái của nhóm *ai noọng* B; con trai của nhóm *ai noọng* B lấy con gái của nhóm *ai noọng* C; con trai của nhóm *ai noọng* C lấy con gái của nhóm *ai noọng* A, thì các mối quan hệ trên sẽ được biểu thị: A là *nhính xao* của B, còn B là *lúng ta* của A (quan hệ A - B); B là *nhính xao* của C,

còn C là *lúng ta* của B (quan hệ B - C); C là *nhính xao* của A, còn A là *lúng ta* của C (quan hệ C - A), (Hình 1).



Hình 1: Quan hệ hôn nhân

Quan hệ *lúng ta* - *nhính xao* là quan hệ dựa trên tuyến hôn nhân, do hôn nhân mang lại. Thông thường, con gái bên *lúng ta* là đối tượng hôn nhân của con trai bên *nhính xao*. Một mặt, ta thấy A, B, C là những nhóm *ải noọng* sống trong một bản hoặc các bản khác nhau; mặt khác, không phải bao giờ các nhóm *ải noọng* A, B, C này cũng trao đổi hôn nhân với nhau trong phạm vi cùng bản mà thường có xu thế mở rộng phạm vi sang các bản lân cận với những nhóm *ải noọng* khác nữa. Do vậy, A, B, C vừa là *ải noọng*, *lúng ta* vừa là *nhính xao* của nhau trong cùng một bản và cũng có mối quan hệ như thế đối với các bản khác. Chính quan hệ đó đã hình thành nên mối quan hệ thân tộc và thích tộc chéo nhau trong các dòng họ ở cùng một bản và các bản lân cận. Minh chứng cho điều đó, người Thái có câu: *Bỏ ải mi noọng, bỏ lúng ta, mi nhính xao* (Không phải anh cũng là em, không phải anh em bên rể cũng là anh em bên vợ, bên bà).

3.3. Thách cưới

Trong xã hội Thái cổ truyền, con trai của những dòng họ quý tộc ít khi kết hôn với các cô gái dân thường. Do vai trò và địa vị

giữa các dòng họ quý tộc và chức dịch của người Thái khác nhau, nên vấn đề môn đăng hộ đối luôn được đặt ra khi tính chuyện hôn nhân, nếu có hôn nhân giữa dòng họ quý tộc và dân thường thì cũng chỉ là sự ban ơn vì lý do nào đó. Trong trường hợp này, các gia đình quý tộc Thái ứng xử mềm dẻo để bảo toàn thanh danh cho mình bằng cách phong cho bố cô gái một chức dịch nhỏ nhỏ nào đó.

Căn cứ vào các quy ước hôn nhân truyền thống, có thể thấy, hành vi ứng xử trong hôn nhân của người Thái biểu hiện tính chất mua bán. Điều này được chứng minh qua các nghi lễ, nghi thức. Ví dụ như trong các nghi lễ đi *thăm thàng*, vấn đề được đưa ra trao đổi, bàn bạc nhiều nhất chính là việc định giá người con gái (*cá hua*), nghĩa là *giá đầu người*. Tuy nhiên, có phân biệt giữa con gái quý tộc và dân thường: *Nang hà*, *xà xam* (con gái quý tộc thì tối thiểu phải năm nén bạc trắng, còn con gái dân thường, người nghèo tối đa là ba nén bạc trắng). Đây là mức quy định chung, nhưng trong thực tế, sự xê dịch lên xuống nhiều hay ít lại tùy thuộc vào thỏa thuận của hai gia đình. Một nén bạc trắng thường có trọng lượng từ 270g đến 310g. Ngoài việc căn cứ vào địa vị xã hội, thế lực kinh tế của nhà trai để định đoạt, đôi khi tiền *cá hua* nhiều hay ít còn dựa theo của hồi môn mà cô gái mang về nhà chồng (của hồi môn mà bố mẹ và họ hàng chuẩn bị cho cô gái khi về nhà chồng gồm: chăn, đệm, gối, màn, vải vóc, áo váy, đồ trang sức...). Giá trị của những của hồi môn này thường được tính bằng tầng (*hạn*), hai tầng (*xoong hạn*), ba tầng (*xam hạn*), bốn tầng (*xí hạn*).

Như vậy, trong xã hội truyền thống của người Thái, đôi khi nhận thức và hành vi trong hôn nhân có sự mâu thuẫn giữa tình

yêu tự do nam nữ và tính phụ quyền gia trưởng, thể hiện qua việc mua bán cũng như những định chế ngặt nghèo của tập quán pháp. Lúc này, hôn nhân không phản ánh kết quả của tình yêu đôi lứa, bởi ngoài tình yêu, việc nên vợ thành chồng của đôi trẻ còn phải tùy thuộc vào các yếu tố khác, đặc biệt phụ thuộc vào quyền quyết định của cha mẹ. Trên thực tế đã có không ít cô gái tự tử do sự phản đối của cha mẹ. Tuy nhiên, để tìm cho mình một lối thoát, người Thái có cách ứng xử vượt ra ngoài quy định; đó là “tục trộm vợ” (*lặc mia*) như ở một số tộc người khác.

3.4. Hôn nhân đặc biệt

3.4.1. Hôn nhân từ tục trộm vợ (*lặc mia*)

Thứ nhất, trộm vợ có sự thỏa thuận

Hai người yêu nhau và muốn nhanh chóng thành vợ thành chồng, nhưng theo tập quán của người Thái, để tiến đến hôn nhân cần trải qua một thời gian khá dài với nhiều nghi lễ như đã trình bày ở trên. Bởi vậy, muốn “đốt cháy giai đoạn”, sớm được về ở với nhau, đôi trai gái bàn bạc tổ chức trộm vợ. Đôi khi, đôi lứa muốn tiến đến hôn nhân nhưng do nhà trai quá nghèo không thể theo tập quán; trong trường hợp này, cô gái sẽ mở cho người mình yêu “lối thoát”, đó là trộm vợ để hai người có thể sớm thành vợ chồng.

Tục trộm vợ thường diễn ra vào lúc xẩm tối. Buổi tối sau khi ăn cơm xong, cô gái xin phép cha mẹ đến nhà bạn chơi (để được ra ngoài). Trong khi đó, chàng trai rủ thêm vài người bạn thân đến chỗ đã hẹn với cô gái, khi đi ngang qua đó, cô gái “bị” những người này bắt, đưa về nhà chàng trai. Trước khi ra khỏi nhà, cô gái kín đáo mang vài bộ váy, áo (đã lặt lẽ chuẩn bị từ trước) và đặt

miếng trầu lên miệng chờ đồ xôi, ngụ ý báo cho cha mẹ biết mình đã trốn theo người yêu. Về đến nơi, đôi trẻ quỳ lạy cha mẹ của chàng trai và chàng trai xin phép cha mẹ làm lễ cúng tổ tiên. Mâm cúng tổ tiên được nhanh chóng chuẩn bị, rồi được bày biện trước bàn thờ cùng với áo của người con gái. Gia chủ cúng báo tổ tiên rằng hôm nay gia đình làm lễ nhập ma nhà cho con dâu, từ nay cô gái này là con cháu trong nhà, mong tổ tiên chấp nhận và phù hộ cho đôi trẻ hạnh phúc, sinh nhiều con và gặp nhiều may mắn.

Cũng trong đêm hôm đó, chàng trai phải mang một gói trầu cau sang nhà cô gái, tìm cách đặt lên cầu thang hoặc treo gần đó để sáng hôm sau, cha mẹ cô gái tỏ tường. Ngay hôm sau, nhà trai nhờ ông mối đại diện mang ít lễ vật sang nhà gái thưa chuyện, xin nhà gái cho chàng trai đến ở rể hoặc chọn ngày tốt tổ chức lễ cưới. Khi sự đã rồi, thường thì nhà gái buộc phải đồng ý cho nhà trai chịu phạt vạ một khoản tiền. Sau đó, nhà trai mang một con lợn (*mu*), đôi gà (*xoong cáy*), rượu (*lầu*) đến làm vía cho bố mẹ cô gái. Trường hợp này, đám cưới tổ chức đơn giản bên nhà gái. Sau khi đón dâu về thì làm lễ cúng tổ tiên bên nhà trai một lần nữa với sự chứng kiến của anh em họ hàng là xong.

Thứ hai, trộm vợ không có sự thỏa thuận

Người con trai đem lòng yêu quý cô gái nào đó mà không được đáp lại tình cảm, bèn tìm cách “trộm vợ” để có được cô gái. Có người rủ vài người bạn đón lõng cô gái đi làm nương hay đi lấy củi trên rừng về muộn rồi cưỡng chế cô về nhà mình. Có người thì nhờ bạn gái của cô ấy rủ đi chơi,

khi ngang qua nhà người con trai đó, cô bạn kiếm có để cô gái ấy cùng vào nhà. Khi cô gái đã ở trong nhà, người nhà nhanh chóng chuẩn bị rượu, trầu cau và gà luộc (nếu kịp), sau đó, họ lấy chiếc khăn của cô gái đặt vào mâm lễ để cúng tổ tiên nhà chàng trai. Gia chủ khẩn báo tổ tiên rằng cô gái này sẽ là con dâu của gia đình, mong tổ tiên chấp nhận. Khấn xong, người ta yêu cầu cô quỳ lạy tổ tiên và bố mẹ chàng trai. Trường hợp này, hầu hết các cô gái đều cự tuyệt, vì thế một người bên nhà trai lấy tay ấn đầu cô gái xuống. Lễ nhập ma nhà xong, nhà trai chuẩn bị đồ lễ để hôm sau sang nhà gái xin cưới.

Trước đây, những người đàn ông của dòng họ làm *tạo* thường tự cho mình quyền lấy nhiều vợ. Khi *tạo* đã thích cô gái nào thì tìm mọi cách để đưa cô gái đó về làm vợ. Tục trộm vợ cũng là cách để *tạo* thực hiện mong muốn của mình. *Tạo* thường cho người cướp cô gái về nhà, mổ lợn, gà để cúng tổ tiên và trong trường hợp này, các cô gái thường phải cam chịu làm vợ của *tạo* vì nếu không, gia đình cô sẽ bị *tạo* gây khó dễ. Trong cả hai trường hợp, đám cưới chỉ diễn ra bên nhà trai. Trước hôm cưới, nhà trai mang đùi lợn và một nén bạc trắng sang bồi thường cho nhà gái.

Hiện nay tục trộm vợ không có sự thỏa thuận là việc làm phạm pháp tuy không nhiều nhưng vẫn còn tồn tại.

3.4.2. Hôn nhân của những người ly hôn

Mặc dù với người Thái, ly hôn là một kết cục xấu và bị chê cười, nhưng hiện tượng đó đôi khi vẫn xảy ra.

Nếu không may gia đình đôi ngả thì thiệt thòi phần nhiều nghiêng về người phụ nữ.

Sau khi ly dị, họ khó có cơ hội đi bước nữa, mà đa phần là ở vậy nuôi con. Người đàn ông bỏ vợ cũng bị người dân coi thường, dù có dễ dàng hơn trong việc đi bước nữa nhưng cũng khó lấy được một người thật sự hoàn hảo trong cộng đồng mình.

Hôn nhân giữa những người đã ly hôn có nhiều điểm khác biệt về cách ứng xử với một đám cưới thông thường. Những ứng xử đó biểu hiện rõ nét trong nghi lễ, nghi thức. Mọi thủ tục được giảm thiểu tối đa. Người ta chỉ đến thăm gia đình nhà gái một lần để bàn chuyện cưới. Tuy vẫn nhờ người làm mối nhưng các nghi lễ ăn hỏi hay còn gọi là đi thăm tháng không được thực hiện. Thường thì với những đám cưới kiểu này, đôi lứa đã quen biết và tự trao đổi, thống nhất mọi việc và tự quyết định là chính, còn hai bên gia đình gặp nhau cốt để biết mặt hoặc để thống nhất lại. Đám cưới chỉ là một nghi lễ nho nhỏ để báo cáo tổ tiên và mời một số anh em, họ hàng, bạn bè và người thân quen trong bản đến uống rượu, chứng kiến thời khắc họ nên vợ thành chồng.

Trường hợp đàn ông chưa vợ mà lấy phụ nữ góa thì chỉ cần nhờ người làm mối đến thưa chuyện, sau đó tổ chức đón dâu đưa về nhà trai làm lễ cưới. Trong lễ cưới phải cúng báo ma nhà và nói rõ với tổ tiên là người sắp về làm dâu đã từng nhập ma nhà chồng trước. Tục này có từ lâu đời. Theo quan niệm của bà con nơi đây, khi chết, người đàn ông này sẽ phải ở một mình trong thế giới tổ tiên (*đăm*), bởi vì người đàn bà đó đã là ma của nhà chồng trước, linh hồn bà sau khi chết sẽ tìm về với người chồng đầu tiên.

Hay hôn nhân giữa những người góa cũng được bà con coi là chuyện bình

thường. Tuy nhiên, trong trường hợp này, các nghi thức trong hôn nhân không tuân thủ đầy đủ như đối với trai tân lấy gái tân mà đơn giản hơn nhiều. Nếu hai người đã quyết định tiến tới hôn nhân, nhà trai cũng nhờ ông bà mối đến nhà gái thưa chuyện và đặt vấn đề cưới, chứ không tổ chức ăn hỏi nữa. Khi tổ chức đám cưới, phải thực hiện nghi thức cúng tổ tiên với bài cúng riêng.

3.4.3. Hôn nhân khác tộc người (ngoại hôn tộc người)

Hiện nay, hôn nhân giữa các nhóm Thái rất phổ biến. Bên cạnh đó, còn có những cuộc hôn nhân giữa người Thái với người Kinh, Đan Lai... Nhưng đặc biệt rất hiếm thấy trường hợp hôn nhân giữa người Thái với người Mông. Bà con giải thích, do người Mông thường ở những bản trên cao, họ chỉ xuống chợ để trao đổi hàng hóa hay có việc liên quan đến thủ tục hành chính. Họ hay đi theo nhóm, theo từng gia đình hoặc theo cặp đôi chứ ít khi đi riêng lẻ. Họ sống khá khép kín, ít giao du với người khác tộc. Chính những điều đó khiến cho việc kết hôn giữa người Mông và các nhóm Thái rất hạn chế. Tuy nhiên, về cơ bản, chúng tôi thấy sự giao thoa văn hóa diễn ra rộng khắp không chỉ ở miền xuôi mà còn phổ biến ở miền núi, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Qua đó có thể thấy nếp nghĩ cũ đã thay đổi; quan niệm về tộc người làm chủ hay người đến sau gần như không còn là vấn đề quan trọng. Mà căn bản là các tộc người cùng chung sống, làm ăn và xây dựng vùng đất này ngày càng phát triển, đem lại cuộc sống no đủ hơn.

Hôn nhân giữa con trai người Kinh với con gái Thái chủ yếu diễn ra ở khu vực thị

trấn hay một vài bản xung quanh thị trấn, bởi ở những khu vực này rất đông người Kinh sinh sống. Đám cưới thường diễn ra theo tập quán của người Kinh, gồm lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới, tuyệt nhiên không còn các lễ đi thăm nhà gái theo tháng... Tuy nhiên, nhà trai vẫn phải tuân theo một số tập quán của người Thái như phải mời người làm mối đến dạm hỏi, đồ sính lễ khi đi hỏi và xin cưới phải có những chiếc khăn, áo, váy truyền thống của người Tày Mường. Bên cạnh đó, tục đón dâu vào lúc một giờ sáng vẫn được nhà gái yêu cầu thực hiện.

Ở một số gia đình có thành viên kết hôn với người khác tộc đã nảy sinh xung đột văn hóa xoay quanh tập quán cưới xin. Chẳng hạn, gia đình nhà gái người Thái muốn nhà trai người Kinh phải mang lễ vật sang thăm nhà gái hằng tháng để thắt chặt mối quan hệ giữa hai họ như đã phân tích ở trên; nhưng nhà trai lại không biết tục lệ đó. Thế nên, họ cảm thấy không được tôn trọng. Đó là cảm giác chung của một số gia đình Thái làm thông gia với người Kinh. Nguyên nhân có thể do nhà trai khác tộc nên không am hiểu tập quán của người Thái, hoặc do sống ở xa (huyện khác), điều kiện đi lại khó khăn, không thể qua lại hằng tháng như vậy. Mặt khác, với người Kinh, hai nhà chỉ qua lại khi cần trao đổi về đám hỏi, đám cưới hoặc chỉ đến thăm nhau vào dịp lễ tết. Tục lệ Thái đưa dâu vào lúc nửa đêm, nhưng người Kinh lại chỉ đưa dâu vào ban ngày; đó cũng là một trở ngại khó thống nhất giữa hai họ, đón dâu. Hơn nữa, hình thức ở rể một thời gian không được phía nhà trai đón nhận. Có thể nói, sự khác biệt xuất phát từ văn hóa, tâm lý tộc người

thường dẫn đến không ít khó khăn trong việc sắp xếp, tổ chức các nghi lễ. Đôi khi, đem lại cảm giác thiếu thoải mái, khó xử, thậm chí sứt mẻ tình cảm giữa hai gia đình.

4. Kết luận

Hôn nhân của người Thái trong xã hội truyền thống chứa đựng nhiều giá trị văn hóa. Hôn nhân gồm nhận thức và hành vi ứng xử được xây dựng trên các nguyên tắc và tâm lý tộc người. Các nghi thức, nghi lễ trong hôn nhân độc đáo, đánh dấu mốc lớn trong chu kỳ đời người. Các nghi lễ cưới xin hàm chứa nhiều giá trị về đạo đức, tâm lý, tình cảm, ứng xử xã hội; là dịp để các thành viên trong cộng đồng thắt chặt mối quan hệ họ hàng, láng giềng. Điều đó được minh chứng qua những tục lệ tốt đẹp, mang tính nhân bản cao, như tập quán tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi mặt đời sống.

Hiện nay, hôn nhân của người Thái là bức tranh đan xen giữa truyền thống và biến đổi; qua đó có thể dễ dàng nhận thấy

“sự giằng xé” giữa cái cổ truyền và cái mới. Ấn tượng đầu tiên là cảm giác đầm ấm, đậm tình người, gắn bó cộng đồng toát lên từ cảnh bà con trong bản vận trang phục truyền thống ngồi kín trên nhà sàn uống rượu chúc mừng gia chủ có dâu hiền rể thảo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vi Văn An (1996), “Hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Thái ở miền núi Nghệ An”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2.
- [2] Artha Nantachuca (1998), *Các giá trị văn hóa của người Thái ở miền núi Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Lê Hải Đăng (2009), “Góp phần tìm hiểu văn hóa của người Tày Mường ở Con Cuông, Nghệ An qua một số nghi thức trong đám cưới”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1.
- [4] Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: Kết quả toàn bộ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.